TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/DS-ST
Ngày: 27-4-2018
V/v tranh chấp HĐDS mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Lê Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST- DS ngày 16 tháng 01 năm 2018, về: " *Tranh chấp* hợp đồng dân sự mua bán tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1965. Cư trú tại tổ 01, ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang. Ủy quyền cho ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1984. Cư trú tại tổ 17, ấp VT2, xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang làm đại diện.

- Bị đơn: Ông Phan Trần Bảo T, sinh năm 1979. Cư trú tổ 05, ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 02-01-2018; các bản tự khai ngày 02-01-2018, ngày 16-3-2018 và biên bản hòa giải ngày 16-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện PT và lời khai tại phiên tòa thì anh L đại diện chị M với anh T thống nhất trình bày:

Bà M bán thức ăn chăn nuôi cá cho anh T nhiều lần, nhiều năm, tổng số là 429.040.000đ, có hóa đơn bán lẽ ngày 22-6-2017 do anh T ký và ghi họ tên là Phan Bảo T (tuy ghi Phan Bảo T nhưng họ tên đầy đủ là Phan Trần bảo T và là 01 người

). Do không trả tiền nên đến ngày 28-8-2017 anh T tiếp tục ký biên nhận số nợ 429.040.000đ ghi Phan Bảo T. Sau khi ký biên nhận anh T đã trả được số tiền như sau:

- ngày 17-10-2017 trả 8.000.000đ

- ngày 30-12-2017 trả 5.000.000đ

Tổng số 02 lần trả là 13.000.000đ. số còn lại 416.040.000đ , anh T thừa nhận đến nay vẫn còn thiếu.

- Anh L yêu cầu: Anh T phải trả dứt điểm 416.040.000đ và tiền lãi theo pháp luật quy định kể từ ngày 01-01-2018 (thời gian tính lãi kể từ thời điểm sau khi trả tiền vốn lần cuối)

- Anh T yêu cầu: Do hoàn cảnh khó khăn nuôi cá bị lổ, nên mỗi tháng trả 5.000.000đ đến khi dứt số vốn 416.040.000đ, riêng tiền lãi yêu cầu xin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{1.1} Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Đây trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, vì vậy Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 3, Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2}Về nội dung :

{2.1} Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Theo đơn khởi kiện (bút lục 11), bản tự khai (bút lục 19, 20 và 21) biên bản hòa giải (bút lục 27) và lời khai tại phiên thì giữa anh L đại diện cho chị M với anh T thống nhất là anh T mua thiếu thức ăn chăn nuôi cá của chị M nhiều lần, đến ngày 28-8-2017 anh T ký biên nhân còn nợ 429.040.000đ và đã trả 3 lần được 13.000.000đ, hiện nay còn thiếu 416.040.000đ. Tại phiên tòa anh L yêu cầu anh T phải trả số tiền trên đây cho chị M là hoàn tòan có căn cứ nghĩ nên chấp nhận và buộc anh T phải có nghĩa vụ trả nợ.

{2.2} Ngoài ra anh L còn yêu cầu anh T phải trả tiền lãi theo pháp luật quy định thời gian kể từ ngày kế tiếp của lần trả tiền vốn lần cuối là ngày 01-01-2018.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 bộ luật dân sự quy định: " Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của bộ luật này" và Điều 357 Bộ luật dân sự quy định : " Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật nầy; không có thỏa thuận thì thực hiện theo theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật nầy". Đối chiếu các Điều luật trên cho thấy, đôi bên không có thỏa thuận trước về mức lãi suất phải trả nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vì vậy lãi suất giới hạn được tính 50% tại khoản 2 điều 468 là 10%/năm (0,833%/ tháng).

Về thời gian phải trả tiền lãi: HĐXX xét thấy đôi bên đã thống nhất trả tiền vốn lần cuối vào ngày 30-12-2017 sau đó không thực hiện. Như vậy thời gian vi phạm kể từ ngày hôm sau (ngày 01-01-2018) đến ngày xét xử (ngày 27-4-2018).

Nhưng tại phiên tòa anh L yêu cầu chỉ tính từ ngày thụ lý là ngày 16-01-2018 đến nhày 27-4-2018 là 3 tháng 11 ngày x 416.040.000đ x 0,833%/ tháng= 11.668.000đ.

Tổng số tiền vốn và lãi phải trả = 427.708.000đ (416.040.000đ+11.668.000đ.

{3}Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị M được chấp nhận và anh T phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị M. Vì vậy anh phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 430; khoản 3, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Buộc anh Phan Trần Bảo T phải có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị M số tiền 427.708.000 (Bốn trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm lẽ tám ngàn đồng chẵn)

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phan Trần Bảo T phải chịu 21.385.000đ (Hai mươi một triệu, ba trăm, tám mươi lăm ngàn đồng chẵn)

- Chị Trần Thị M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.320.000đ (Mười triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0016507 ngày 16-01-2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng